

SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC NHÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /TB-TTQLKTN

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

THÔNG BÁO
V/v cho thuê nhà do Trung tâm Quản lý và Khai thác nhà Đà Nẵng quản lý, khai thác

Trung tâm Quản lý và Khai thác nhà Đà Nẵng thông báo danh mục nhà, đất cho thuê nhà (gắn với quyền sử dụng đất), giá sàn cho thuê, nội dung cụ thể như sau:

1. Danh mục nhà, đất cho thuê theo phương thức chào giá cạnh tranh:

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m ²)		Giá sàn cho thuê (đồng/m ² /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m ²)	Thời hạn cho thuê nhà	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn sử dụng nhà					
1	2	4	5	6	7	9	10	11	12
1	Số 485 Tôn Đản, phường An Khê, TP Đà Nẵng	0485TĐ-AKĐN.015	205,9	61	855.096	61	10 năm	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục	26.080.500

								– đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	
2	143 Trần Phú, phường Hải Châu, TP Đà Nẵng	0143TP-HCĐN.031	79,5	438,7	808.832	438,7	10 năm	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	177.417.500
3	145 Trần Phú, phường Hải Châu, TP Đà Nẵng	0145TP-HCĐN.032	75,7	266,1	972.243	266,1	10 năm	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	129.357.000
4	123 Trường Chinh, phường An Khê, TP Đà Nẵng	0123TC-AKĐN.019	314,8	658,5	507.435	658,5	10 năm	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	167.073.000
5	144 Trần Phú, phường Hải Châu, TP Đà Nẵng	0144TP-HCĐN.033	115,5	373,2	618.862	373,2	10 năm	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	115.479.500

6	84 Phan Bội Châu, phường Bàn Thạch, TP Đà Nẵng	084PBC-BTQN.020	754	993	393.935	993	10 năm	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	195.588.500
7	Số 14 Trần Phú, phường Bàn Thạch, TP Đà Nẵng (UBMT tỉnh Quảng Nam cũ)	0014TP-BTQN.024	3.470,4	2.767	357.530	2.767	10 năm	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	494.643.500
8	18B Trần Phú, phường Bàn Thạch, TP Đà Nẵng (Hội nông dân tỉnh Quảng Nam cũ)	018BTP-BTQN.025	1.063,8	886	877.593	886	10 năm	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	388.774.000
9	20 Trần Phú, phường Bàn Thạch, TP Đà Nẵng (Hội cựu chiến binh tỉnh Quảng Nam cũ)	0020TP-BTQN.026	1.009	486,84	441.430	486,84	10 năm	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	107.453.000
10	Số 22 Trần Phú, phường Bàn Thạch, TP Đà Nẵng (Hội	0022TP-BTQN.027	1.000	682,4	349.490	682,4	10 năm	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản	119.246.000

	chữ thập đỏ tỉnh Quảng Nam cũ)							xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	
11	Số 24 Trần Phú, phường Bàn Thạch, TP Đà Nẵng	0024TP-BTQN.008	996,5	829	360.605	829	10 năm	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	149.470.500
12	Số 06 Trần Quý Cáp, phường Bàn Thạch, TP Đà Nẵng (phòng Giáo dục và đào tạo thành phố)	0006TP-BTQN.034	1.269,5	1.585,1	215.038	1.585,1	10 năm	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	170.428.500
13	Số 102 Trần Quý Cáp, phường Bàn Thạch (Sở Tài chính Tam Kỳ cũ)	102TQC-BTQN.035	3.864,3	3.716,34	595.244	3.716,34	10 năm	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	1.106.063.500
14	Số 08 Nguyễn Chí Thanh, phường Bàn Thạch, TP Đà Nẵng	008NCT-BTQN.021	3.219,9	2.217,66	741.790	2.217,66	10 năm	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục	822.518.500

								– đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	
15	Số 07 Trần Hưng Đạo, phường Bàn Thạch, TP Đà Nẵng (VP Sở Công thương cũ)	007THĐ-BTQN.006	4.629,4	2.274	421.587	2.274	10 năm	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	479.345.000
16	KBNN Thăng Bình cũ, xã Thăng Bình	KBNNTB-TBQN.040	1.337,5	535,4	370.049	535,4	10 năm	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	99.062.000
17	Lê Văn Tâm xã Núi Thành (BHXH)	LVTXNT-NTQN.036	1.052,9	1.000	791.513	1.000	10 năm	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	395.756.500
18	Trụ sở làm việc Hải quan cửa khẩu cảng Kỳ Hà cũ (trước đây là Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Kỳ Hà) – xã Núi Thành	HQCKKH-NTQN.037	5.414,7	1.657,6	195.275	1.657,6	10 năm	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	161.844.000

19	Thuế cơ sở 7 cũ – Xã Nam Phước	TCS7NP-NPQN.038	132	230,4	457.405	230,4	10 năm	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	52.693.000
20	KBNN Duy Xuyên cũ – 436 Hùng Vương, xã Nam Phước	0436HV-NPQN.039	1.213,7	734	429.922	734	10 năm	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	157.781.500
21	97 Lý Thái Tổ (địa chỉ theo hồ sơ); Địa chỉ cụ thể: Trụ sở Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 2 (cũ), phường Thanh Khê (đầu đường Phan Thanh – Lý Thái Tổ, bên cạnh nhà số 01 Phan Thanh)	097LTT-TKĐN.030	203,4	777,5	355.079	777,5	10 năm	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	138.037.000

2. Thời gian, địa điểm nộp Phiếu đăng ký thuê nhà, tiền đặt trước: bắt đầu từ 07 giờ 30 phút ngày 28/8/2026 đến hết 17 giờ 30 phút ngày 9/9/2026 (không tính Thứ Bảy, Chủ Nhật, lễ Quốc khánh 02/09/2026), tại Trung tâm Quản lý và Khai thác nhà Đà Nẵng – số 06 Trần Quý Cáp, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (*Hướng dẫn nộp hồ sơ đăng ký thuê nhà, đất đính kèm Thông báo này*).

3. Thời gian, địa điểm tổ chức xác định người được quyền thuê nhà: bắt đầu từ 07 giờ 45 phút **ngày 11/9/2026**, tại Trung tâm Quản lý và Khai thác nhà Đà Nẵng – số 06 Trần Quý Cáp, phường Hải Châu thành phố Đà Nẵng.

4. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thuê nhà (gắn với quyền sử dụng đất) tại điểm 1 Thông báo này thực hiện:

a) Nộp Phiếu đăng ký thuê nhà do Trung tâm Quản lý và Khai thác nhà Đà Nẵng phát hành và tiền đặt trước được xác định bằng 5% của tiền thuê nhà cho cả thời hạn thuê nhà theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ vào tài khoản ngân hàng [**Số tài khoản: 8620014815; tên chủ tài khoản: Trung tâm Quản lý và Khai thác nhà Đà Nẵng, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam**], thời gian nộp tiền đặt trước: từ 07 giờ 30 phút ngày 28/8/2026 đến hết 17 giờ 30 phút ngày 09/9/2026.

b) Tham dự buổi xác định người được quyền thuê nhà theo đúng thời gian, địa điểm thông báo tại điểm 3 Thông báo này.

c) Trường hợp có nhu cầu xem nhà trước khi nộp Phiếu đăng ký thuê nhà, tiền đặt trước, tổ chức, cá nhân có nhu cầu thuê nhà đăng ký với Trung tâm Quản lý và Khai thác nhà Đà Nẵng.

5. Thông tin liên hệ của Trung tâm Quản lý và Khai thác nhà Đà Nẵng:

- Địa chỉ liên hệ: Số 06 đường Trần Quý Cáp, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

- Điện thoại liên hệ: 02363.863.147

- Người chịu trách nhiệm:

+ Bà Nguyễn Thị Minh Châu, Điện thoại: 02363.863.147.

+ Bà Hà Thị Minh Sương, Điện thoại: 0916.878.545.

+ Bà Đinh Thị Trà, Điện thoại: 0949.817.719.

(Email: chauntm@danang.gov.vn)

Trung tâm Quản lý và Khai thác nhà Đà Nẵng xin thông báo./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố Đà Nẵng (để báo cáo);
- Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng (để báo cáo);
- Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng (để báo cáo);
- Cổng thông tin điện tử thành phố Đà Nẵng (để đăng tin);
- Trang thông tin điện tử Sở Tài chính thành phố (để đăng tin);
- Trang thông tin điện tử Sở Xây dựng thành phố (để đăng tin);
- Trang thông tin điện tử TT Quản lý và Khai thác nhà (để đăng tin);
- Niêm yết công khai tại trụ sở Trung tâm và 21 cơ sở nhà, đất cho thuê;
- Lưu: VT, TSC (Sương).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trà Văn Quang

